Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……../ABS-DVCK23

Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 08/2023

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty CP chứng khoán An Bình xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAV	AAV		
2	ADC			ADC
3	ALT			ALT
4	AMC			AMC
5	AME			AME
6	AMV			AMV
7	API			API
8	ARM			ARM
9	ATS			ATS
10	BAB			BAB
11	BAX			BAX
12	BBS			BBS
13	BCC	BCC		
14	BCF			BCF
15	BDB			BDB
16	BED			BED
17	BKC			BKC
18	BNA			BNA
19	BPC			BPC
20	BSC			BSC
21	BST			BST
22	BTS	BTS		
23	BTW			BTW

24	BVS			BVS
25	BXH			BXH
26	C69			C69
27	CAG			CAG
28	CAN			CAN
29	CAP			CAP
30	CCR			CCR
31	CDN			CDN
32	CEO			CEO
33	CIA			CIA
34	CKV			CKV
35	CLH			CLH
36	CLM			CLM
37	CMS			CMS
38	CPC			CPC
39	CSC			CSC
40	CTB			CTB
41	CTP			CTP
42	CTT			CTT
43	CX8			CX8
44	D11			D11
45	DAD			DAD
46	DAE			DAE
47	DC2			DC2
48	DDG	DDG		
49	DHP			DHP
50	DHT			DHT
51	DIH			DIH
52	DL1			DL1
53	DNC			DNC
54	DNP			DNP
55	DP3			DP3
56	DTD			DTD
57	DTK			DTK
58	DVG	DVG		
59	DVM			DVM
60	DXP			DXP
61	EBS			EBS
62	ECI	ECI		
63	EID			EID
64	EVS	EVS		
65	GDW			GDW
66	GIC			GIC
67	GKM			GKM
68	GLT			GLT

69	GMA	GMA		
70	GMX			GMX
71	HAD			HAD
72	HAT			HAT
73	HBS			HBS
74	HCC			HCC
75	HCT			HCT
76	HDA			HDA
77	HEV	HEV		
78	HGM			HGM
79	HHC			HHC
80	HJS			HJS
81	HLC			HLC
82	HLD			HLD
83	HMR			HMR
84	HOM			HOM
85	HTC			HTC
86	HUT			HUT
87	HVT			HVT
88	ICG	ICG		
89	IDC			IDC
90	IDJ			IDJ
91	IDV			IDV
92	INC			INC
93	INN			INN
94	IPA			IPA
95	IVS			IVS
96	KHS	KHS		
97	KMT			KMT
98	KSD	KSD		
99	KSF			KSF
100	KST			KST
101	KTS			KTS
102	L14			L14
103	L18			L18
104	LAS			LAS
105	LBE			LBE
106	LHC			LHC
107	LIG			LIG
108	MBG			MBG
109	MBS			MBS
110	MCC			MCC
111	MCF			MCF
112	MCO			MCO
113	MDC			MDC

114	MED			MED
115	MEL			MEL
116	MKV			MKV
117	MVB			MVB
118	NAG			NAG
119	NAP			NAP
120	NBC			NBC
121	NBP			NBP
122	NBW			NBW
123	NET			NET
124	NFC			NFC
125	NHC			NHC
126	NSH			NSH
127	NST			NST
128	NTH			NTH
129	NTP			NTP
130	NVB			NVB
131	ONE			ONE
132	PBP			PBP
133	PCE			PCE
134	PCH			PCH
135	PCT			PCT
136	PDB			PDB
137	PGN			PGN
138	PGS			PGS
139	PIA			PIA
140	PIC			PIC
141	PLC			PLC
142	PMB			PMB
143	PMC			PMC
144	PMP			PMP
145	PMS			PMS
146	POT			POT
147	PPP			PPP
148	PPS			PPS
149	PPY			PPY
150	PRC			PRC
151	PRE			PRE
152	PSC			PSC
153	PSD			PSD
154	PSE			PSE
155	PSI			PSI
156	PSW			PSW
157	PTD			PTD
158	PTS			PTS

159	PVC			PVC
160	PVG			PVG
161	PVI			PVI
162	PVS			PVS
163	QHD			QHD
164	QST			QST
165	QTC	QTC		
166	RCL			RCL
167	S55			S55
168	S99			S99
169	SAF			SAF
170	SCG			SCG
171	SCI			SCI
172	SD5			SD5
173	SD9			SD9
174	SDC			SDC
175	SDG	SDG		
176	SDN			SDN
177	SEB			SEB
178	SED			SED
179	SGC			SGC
180	SGD	SGD		
181	SHE			SHE
182	SHN			SHN
183	SHS			SHS
184	SJ1			SJ1
185	SJE			SJE
186	SLS			SLS
187	SMN			SMN
188	SMT	SMT		
189	SPC	SPC		
190	SRA			SRA
191	STC			STC
192	SVN			SVN
193	SZB			SZB
194	TA9			TA9
195	TAR			TAR
196	TBX			TBX
197	TDN			TDN
198	TDT			TDT
199	TET			TET
200	TFC	TFC		
201	THB	THB		
202	THD			THD
203	THS			THS

204	THT			THT
205	TIG			TIG
206	TJC	TJC		
207	TKG			TKG
208	TKU	TKU		
209	TMB			TMB
210	TMC			TMC
211	TMX			TMX
212	TNG			TNG
213	TOT			TOT
214	TPH			TPH
215	TPP			TPP
216	TSB			TSB
217	TTC			TTC
218	TTL			TTL
219	TTT			TTT
220	TV3	TV3		
221	TV4			TV4
222	TVD			TVD
223	UNI			UNI
224	V12			V12
225	V21			V21
226	VBC			VBC
227	VC1	VC1		
228	VC3			VC3
229	VC6			VC6
230	VC7			VC7
231	VCC			VCC
232	VCS			VCS
233	VE3	VE3		
234	VGS			VGS
235	VHE			VHE
236	VHL	VHL		
237	VIF			VIF
238	VIT	VIT		
239	VLA			VLA
240	VMS			VMS
241	VNC			VNC
242	VNF	VNF		
243	VNR			VNR
244	VSA			VSA
245	VSM			VSM
246	VTC	VTC		
247	VTH			VTH
248	VTV			VTV

249	VTZ			VTZ
250	WCS			WCS
251	X20			X20

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hồ Chí Minh

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	AAM			AAM
3	AAT			AAT
4	ABR			ABR
5	ABT			ABT
6	ACB			ACB
7	ACC			ACC
8	ACL			ACL
9	ADG	ADG		
10	ADS			ADS
11	AGG			AGG
12	AGR			AGR
13	ANV			ANV
14	ASG	ASG		
15	ASM			ASM
16	ASP			ASP
17	BAF			BAF
18	BBC			BBC
19	BCG			BCG
20	BCM			BCM
21	BFC			BFC
22	BHN			BHN
23	BIC			BIC
24	BID			BID
25	BKG			BKG
26	BMC			BMC
27	BMI			BMI
28	BMP			BMP
29	BRC			BRC
30	BSI			BSI
31	BTP			BTP
32	BTT			BTT

33	BVH			BVH
34	BWE			BWE
35	C32			C32
36	C47			C47
37	CAV			CAV
38	CCI			CCI
39	CCL			CCL
40	CDC			CDC
41	CHP			CHP
42	CII			CII
43	CKG			CKG
44	CLC			CLC
45	CLL			CLL
46	CLW			CLW
47	CMG			CMG
48	CMV			CMV
49	CMX			CMX
50	CNG			CNG
51	COM			COM
52	CRC			CRC
53	CRE			CRE
54	CSM			CSM
55	CSV			CSV
56	CTD			CTD
57	CTF			CTF
58	CTG			CTG
59	CTI			CTI
60	CTR			CTR
61	CTS			CTS
62	CVT			CVT
63	D2D			D2D
64	DAH	DAH		
65	DAT			DAT
66	DBC			DBC
67	DBD			DBD
68	DBT			DBT
69	DCL			DCL
70	DCM			DCM
71	DGC			DGC
72	DGW			DGW
73	DHA			DHA
74	DHC			DHC
75	DHG			DHG
76	DHM			DHM
77	DIG			DIG

78	DMC			DMC
79	DPG			DPG
80	DPM			DPM
81	DPR			DPR
82	DQC			DQC
83	DRC			DRC
84	DRH	DRH		
85	DRL			DRL
86	DSN			DSN
87	DTA			DTA
88	DTT			DTT
89	DVP			DVP
90	DXG			DXG
91	DXS	DXS		
92	E1VFVN30			E1VFVN30
93	EIB			EIB
94	ELC			ELC
95	EVE			EVE
96	EVF			EVF
97	FCM			FCM
98	FCN			FCN
99	FIR			FIR
100	FIT			FIT
101	FMC			FMC
102	FPT			FPT
103	FRT	FRT		
104	FTS			FTS
105	FUEVFVND			FUEVFVND
106	GAS			GAS
107	GDT			GDT
108	GEG			GEG
109	GEX			GEX
110	GIL	GIL		
111	GMD			GMD
112	GMH			GMH
113	GSP			GSP
114	GTA			GTA
115	GVR			GVR
116	HAH			HAH
117	HAP			HAP
118	HAX			HAX
119	HCD			HCD
120	HCM			HCM
121	HDB			HDB
122	HDC			HDC

123	HDG			HDG
124	HHP			HHP
125	HHS			HHS
126	HHV			HHV
127	HMC			HMC
128	HPG			HPG
129	HQC			HQC
130	HRC			HRC
131	HSL			HSL
132	HT1	HT1		
133	HTI			HTI
134	HTL			HTL
135	HTN			HTN
136	HTV			HTV
137	HU1			HU1
138	HUB			HUB
139	HVH			HVH
140	HVX	HVX		
141	ICT			ICT
142	IDI			IDI
143	IJC			IJC
144	ILB			ILB
145	IMP			IMP
146	ITC			ITC
147	ITD			ITD
148	KBC			KBC
149	KDC			KDC
150	KDH			KDH
151	KHG			KHG
152	KHP			KHP
153	KMR			KMR
154	KOS			KOS
155	KPF			KPF
156	KSB			KSB
157	L10			L10
158	LAF			LAF
159	LBM			LBM
160	LCG			LCG
161	LGC			LGC
162	LIX			LIX
163	LM8			LM8
164	LPB			LPB
165	LSS			LSS
166	MBB			MBB
167	MCP			MCP

168	MDG			MDG
169	MIG			MIG
170	MSB			MSB
171	MSH			MSH
172	MSN			MSN
173	MWG			MWG
174	NAF			NAF
175	NAV			NAV
176	NBB			NBB
177	NCT			NCT
178	NHA			NHA
179	NHH			NHH
180	NHT			NHT
181	NLG			NLG
182	NNC			NNC
183	NSC			NSC
184	NT2			NT2
185	NTL			NTL
186	OCB			OCB
187	OPC			OPC
188	ORS			ORS
189	PAC			PAC
190	PAN			PAN
191	PC1			PC1
192	PDN			PDN
193	PDR			PDR
194	PET			PET
195	PGC			PGC
196	PGD			PGD
197	PGI			PGI
198	PGV			PGV
199	PHC			PHC
200	PHR			PHR
201	PJT			PJT
202	PLX			PLX
203	PNC			PNC
204	PNJ			PNJ
205	POW			POW
206	PTB			PTB
207	PVT			PVT
208	QCG			QCG
209	RAL			RAL
210	REE			REE
211	S4A			S4A
212	SAB			SAB

213	SAM			SAM
214	SAV			SAV
215	SBA			SBA
216	SBT			SBT
217	SBV	SBV		
218	SC5			SC5
219	SCR			SCR
220	SCS			SCS
221	SFC			SFC
222	SFG			SFG
223	SFI			SFI
224	SGN			SGN
225	SGR			SGR
226	SGT			SGT
227	SHA			SHA
228	SHB			SHB
229	SHI			SHI
230	SHP			SHP
231	SJD			SJD
232	SJS			SJS
233	SKG			SKG
234	SMB			SMB
235	SPM	SPM		
236	SRC			SRC
237	SSB			SSB
238	SSC			SSC
239	SSI			SSI
240	ST8			ST8
241	STB			STB
242	STG			STG
243	STK			STK
244	SVC			SVC
245	SVI			SVI
246	SVT			SVT
247	SZC			SZC
248	SZL			SZL
249	TBC			TBC
250	TCB			TCB
251	TCD			TCD
252	TCH			TCH
253	TCL			TCL
254	TCM			TCM
255	TCO			TCO
256	TCT			TCT
257	TDC	TDC		

258	TDG			TDG
259	TDM			TDM
260	TDP			TDP
261	TDW			TDW
262	TEG			TEG
263	THG			THG
264	TIP			TIP
265	TIX			TIX
266	TLD			TLD
267	TLG			TLG
268	TLH			TLH
269	TMP			TMP
270	TMS			TMS
271	TMT			TMT
272	TN1			TN1
273	TNC			TNC
274	TNH			TNH
275	TNT			TNT
276	TPB			TPB
277	TPC	TPC		
278	TRA			TRA
279	TRC			TRC
280	TTA			TTA
281	TTE	TTE		
282	TV2			TV2
283	TVS			TVS
284	TVT			TVT
285	TYA	TYA		
286	UIC			UIC
287	VAF			VAF
288	VCB			VCB
289	VCF			VCF
290	VCG			VCG
291	VCI			VCI
292	VDP			VDP
293	VFG			VFG
294	VGC			VGC
295	VHC			VHC
296	VHM			VHM
297	VIB			VIB
298	VIC			VIC
299	VID			VID
300	VIP			VIP
301	VIX			VIX
302	VMD			VMD

303	VND			VND
304	VNE			VNE
305	VNG			VNG
306	VNM			VNM
307	VNS			VNS
308	VOS			VOS
309	VPB			VPB
310	VPD			VPD
311	VPG			VPG
312	VPH			VPH
313	VPI			VPI
314	VPS			VPS
315	VRC			VRC
316	VRE			VRE
317	VSC			VSC
318	VSH			VSH
319	VSI			VSI
320	VTB			VTB
321	VTO			VTO
322	YBM			YBM
323	YEG			YEG

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: https://www.abs.vn/bao-cao-thang-gui-so-ck-vn-t08-2023/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này
-Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Người lập **Phó Tổng Giám đốc**

Trần Thị Thu Hường **Đặng Hải Chung**